

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 15/2023/HNGĐ-PT
Ngày 26-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Xuân Trường và bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLPT-HNGĐ ngày 01/8/2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 32/2023/HNGĐ-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2023/QĐ-PT ngày 07/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm 8, thôn Tr, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm 8, thôn Tr, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Xóm 8, thôn Tr, xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn và bị đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 22/11/2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th. Theo anh Th trình bày: Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng và tin tưởng nhau. Đến năm 2021, mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân và không ai quan tâm tới ai. Nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Theo chị H trình bày: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Th thường hay chơi bời, đi qua đêm, ít quan tâm đến vợ con. Đến năm 2021, sau khi chị sinh con thứ 3 (cháu Ánh) thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Anh Th bỏ ra ngoài làm ăn, không nói cụ thể làm ở đâu, lại hay kiếm cớ chửi bới chị. Giữa năm 2022, anh Th đã làm đơn ly hôn chị, sau đó anh Th đã rút đơn. Vợ chồng vẫn sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được, nhưng hiện tại chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 06/5/2009; Nguyễn Hồng Quyên, sinh ngày 01/10/2010 và Nguyễn Ngọc Ánh, sinh ngày 10/11/2021. Anh Th đề nghị giao cháu Hằng và cháu Quyên cho anh Trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H đề nghị giao cháu Ánh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh Th xác định vợ chồng có tài sản và có nợ chung, nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Chị H xác định vợ chồng có tài sản chung và có nợ chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết mà chị yêu cầu anh Th là nguyên đơn phải có trách nhiệm yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Tại Bản tự khai ngày 29/5/2023, con chung là Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Hồng Quyên xác định hiện tại 03 chị em vẫn đang ở với bà nội (bà Mít) và có nguyện vọng 03 chị em được tiếp tục ở với nhau như hiện nay.

Bà Nguyễn Thị M - Mẹ đẻ anh Th xác định: Sau khi chị H sinh con thứ 3 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi nhau. Anh Th thường xuyên đi qua đêm, bỏ nhà ra ngoài làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị H cũng đi làm từ tháng 2/2023 đến nay, thỉnh thoảng mới về nhà. Chị H, anh Th không quan tâm đến nhau. Nay anh Th đề nghị giải quyết ly hôn chị H, quan điểm của bà là mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Trường hợp anh Th, chị H cương quyết ly hôn là do anh chị tự quyết định.

Tại biên bản xác minh với trưởng thôn Tr, xã Th xác định: Khoảng 02 năm trở lại đây anh Th ra ngoài làm ăn, rất ít khi về nhà. Từ đầu năm 2023, chị H đi làm và ở bên nhà mẹ đẻ, thỉnh thoảng mới về nhà. Nay anh Th xin ly hôn chị H, quan điểm của thôn là đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án số 32/2023/HNGĐ-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Hải Dương đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Xử Giao con chung Nguyễn Ngọc Ánh, sinh ngày 10/11/2021 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 06/5/2009 và Nguyễn Hồng Quyền, sinh ngày 01/10/2010 cho anh Nguyễn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Th, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/7/2023, chị Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th về việc giải quyết ly hôn. Vì anh Th không làm đơn đề nghị giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn. Khi nào Tòa án giải quyết xong về tài sản chung, nợ chung thì chị mới đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không nhất trí nội dung kháng cáo của chị H.

Chị H xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nhưng anh Th không có trách nhiệm với các con, do vậy chị vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 32/2023/HNGĐ-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị H, HĐXX xét thấy: Anh Th và chị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay xảy ra cãi nhau, xúc phạm, nghi ngờ, không tôn trọng và quan tâm đến nhau. Từ năm 2021, anh Th bỏ ra ngoài làm ăn, ít về nhà. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Cả anh Th và chị H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. HĐXX xét thấy việc anh Th, chị H không thương yêu, tôn trọng, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, cũng không sống chung với nhau, đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho anh Th được ly hôn chị H là phù hợp. Chị H không nhất chí ly hôn mà chỉ nhất trí ly hôn khi anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. HĐXX xét thấy: Theo quy định tại Điều 5 BLTTDS thì đương sự có

quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ, việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý, giải quyết khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự. Trong vụ án này, anh Th, chị H không có đơn yêu cầu giải quyết về phân tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, đó là quyền của các đương sự. Mục đích của chị H không nhất trí ly hôn là vì chưa giải quyết về tài sản chung của vợ chồng chứ không phải vì mục đích tình cảm vợ chồng vẫn còn để vợ chồng đoàn tụ, chị H, anh Th cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ hôn nhân, tình cảm vợ chồng. Do vậy, HĐXX không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của chị H.

[3]. Về con chung, cấp sơ thẩm đã xét xử và giao con cho các bên phù hợp với hoàn cảnh thực tế, phù hợp với lợi ích của con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh Th và chị H đều xác định có tài sản chung nhưng không ai yêu cầu hoặc làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp. Sau này anh Th, chị H có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng tại Tòa án có thẩm quyền thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác. Như vậy không làm mất đi quyền, nghĩa vụ của các đương sự về tài sản.

[5] Từ những phân tích trên, HĐXX không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của chị H. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 32/2023/HNGĐ-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Hải Dương về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

[6] Về án phí: Chị H sự kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (về Hôn nhân và gia đình) theo quy định tại Điều 148 của BLTTDS, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 107, 110, 119 luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử: Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 32/2023/HNGĐ-ST ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Hải Dương về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ

với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000905 ngày 14/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Hải Dương.

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND và Chi cục T.H.A DS huyện Th;
tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Hải
Dương (để ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án,
Lưu Tòa GD&NCTN, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân